

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Trường Thọ

2. Ngày tháng năm sinh: 26/08/1976; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hải Vĩnh, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 54 Trần Nguyên Hãn, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 54 Trần Nguyên Hãn, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại nhà riêng: 02343515022; Điện thoại di động: 0915805405;

E-mail: ntthokh@hueuni.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2000 đến năm 2006: Giảng viên tại Khoa Vật Lý, Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

Từ năm 2006 đến năm 2010: Giảng viên tại Khoa Vật Lý, Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế, Nghiên cứu sinh Khoa các hệ thống sáng tạo, Đại học Osaka, Nhật Bản

Từ năm 2010 đến năm 2014: Giảng viên tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

Từ năm 2014 đến năm 2015: Phó Trưởng phòng tại Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

Từ năm 2015 đến năm 2020: Trưởng phòng tại Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng

phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

Địa chỉ cơ quan: 77 Nguyễn Huệ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại cơ quan: 02343823290

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 03 tháng 07 năm 1999, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 02 năm 2005, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Chất rắn

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa Học, Đại học Huế, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 9 năm 2010, ngành: Khoa học Vật liệu, chuyên ngành: Vật liệu điện tử

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Osaka, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế (Hội đồng I: Khoa học Tự nhiên)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu tính chất vật lý của các hệ vật liệu sắt điện dạng màng mỏng và dạng gốm

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo KH, trong đó 11 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 3, trong đó 3 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Bằng khen về thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Đại học Huế giai đoạn 1957-2017	Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017
2	Bằng khen vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm học 2016-2017 và 2017-2018.	Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019
3	Giấy khen vì đã có nhiều thành tích trong năm học 2014-2015.	Giám đốc Đại học Huế	2015
4	Giấy khen vì đã có công trình khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học, nhà xuất bản quốc tế có uy tín.	Giám đốc Đại học Huế	2015
5	Giấy khen vì đã có công trình khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học, nhà xuất bản quốc tế có uy tín.	Giám đốc Đại học Huế	2016
6	Giấy khen vì đã có công trình khoa học đăng tải trên các tạp chí khoa học có uy tín.	Giám đốc Đại học Huế	2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chủ trương, quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Đại học Huế và Trường Đại học Khoa học.

- Có phẩm chất của một nhà giáo như: tâm huyết, yên tâm và gắn bó với nghề; trung thực và trách nhiệm trong

giảng dạy và nghiên cứu khoa học; có tinh thần cầu tiến, không ngừng phấn đấu, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực giúp đỡ các đồng nghiệp trẻ, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học.

- Có kỹ năng sư phạm; có năng lực nghiên cứu khoa học cơ bản và thực nghiệm - ứng dụng; có khả năng tiếp cận vấn đề chuyên môn mới và vận dụng vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 20 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2005-2006				2	225		225,0/325,1/80,0
2	2012-2013					210		210,0/292,2/260
3	2013-2014					345		345,0/479,6/260
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1			45	45,0/127,43/67,5
5	2018-2019						75	75,0/141,85/67,5
6	2019-2020			1			45	45,0/156,03/67,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Thị Thanh Thảo		X	X		12/2013 đến 09/2014	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	12/01/2015
2	Nguyễn Thị Nghi Nhàn		X	X		12/2014 đến 09/2015	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	23/02/2016

1	Lắng đọng hóa học và đặc tính của màng mỏng Bi ₄ Ti ₃ O ₁₂ và BiFe _{1-x} CoxO ₃	CK	Nhà xuất bản Đại học Huế, năm 2019	1	MM	(Toàn bộ)	593/GXN-ĐHKH; 1140/GXN-ĐHSP
2	Giáo trình Phương pháp toán lý 1	GT	Nhà xuất bản Đại học Huế, năm 2018	2	CB	(từ trang 1 đến trang 209)	594/GXN-ĐHKH; 1142/GXN-ĐHSP
3	Phương pháp Toán Lý	TK	Nhà xuất bản Đại học Huế, năm 2020	4	CB	(từ trang 62 đến trang 187)	592/GXN-ĐHKH; 1141/GXN-ĐHSP

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 3

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Low Temperature Preparation of Bismuth-Related Ferroelectrics by Hydrothermal Synthesis	4	Không	2007 Sixteenth IEEE International Symposium on the Applications of Ferroelectrics	Uy tín - ISI		, 13 13
2	Low Temperature Preparation of Bismuth-Related Ferroelectrics Powder and Thin Films by Hydrothermal Synthesis	4	Có	IEEE Transactions on Ultrasonics, Ferroelectrics, and Frequency Control	Uy tín - ISI IF: 2.989	5	54 , 2603 260
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
3	Ferroelectric Properties of Bi _{1-1Fe1xCox} O ₃ Thin Films Prepared by Chemical Solution Deposition Using Iterative Rapid Thermal Annealing in N ₂ and O ₂	6	Có	Japanese Journal of Applied Physics	Uy tín - ISI IF: 1.471	9	49 09ME 7
4	Leakage Current Reduction and Ferroelectric Property of BiFe _{1-x} CoxO ₃ Thin Films Prepared by Chemical Solution Deposition Using Iterative Rapid Thermal Annealing at Approximately 520oC	3	Có	Japanese Journal of Applied Physics	Uy tín - ISI IF: 1.471	9	49 0958 6
5	Leakage Current Reduction and Ferroelectric Property of BiFe _{1-x} CoxO ₃ Thin Films Prepared by Chemical Solution Deposition Using Rapid Thermal Annealing	3	Có	Symposium F –Multiferroic and Ferroelectric Materials	Uy tín - Scopus		119 F06- 6

6	Relaxor ferroelectric properties of PZT-PZN-PMnN Ceramics	4	Không	Indian Journal of Engineering and Materials Sciences	Uy tín - ISI IF: 0.794	6	2014 555-
7	Structure and Physical Properties of PZT-PMnN-PSN Ceramics Near the Morphological Phase Boundary	4	Không	Advances in Materials Science and Engineering	Uy tín - ISI IF: 1.399	6	2014 1-
8	CHẾ TẠO VÀ NGHIÊN CỨU MỘT SỐ TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA HỆ GỒM KHÔNG CHỈ $\text{BiFe}_{0,91}[(\text{Mg}_{0,5}\text{Ti}_{0,5})_{0,53}\text{Mn}_{0,47}]_{0,09}\text{O}_3\text{-BaTiO}_3$	5	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế			3 , 17-
9	CHẾ TẠO VÀ NGHIÊN CỨU MỘT SỐ TÍNH CHẤT VẬT LÝ CỦA HỆ GỒM ÁP ĐIỆN KHÔNG CHỈ (1-x) $\text{Bi}_{0.5}(\text{Na}_{0.82}\text{K}_{0.18})_{0.5}\text{TiO}_3\text{-x}(\text{Bi}_{0.88}\text{Nb}_{0.12})\text{FeO}_3$	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế			6 , 29-
10	A study on characteristics of piezoelectric tonpils transducer by finite element method	6	Không	Proceedings of the 3rd International Conference in advanced materials and nano technology			, 29 30
11	The Intering Behavior and Physical Properties of Li_2CO_3 -doped $\text{Bi}_{0.5}(\text{Na}_{0.8}\text{K}_{0.2})_{0.5}\text{TiO}_3$ Lead-free ceramics	2	Có	International Journal of Materials Research	Uy tín - ISI IF: 0.851	6	108 6

12	Fabrication by Annealing at Approximately 1030°C and Electrical Characterization of Lead-Free(1 – x)Bi0.5K0.5TiO3–xBa(Fe0.5Nb0.5)0.05Ti0.95O3 Piezoelectric Ceramics	2	Có	Journal of Electronic Materials	Uy tín - ISI IF: 1.676	2	46 , 358 359
13	Effect of ZnO Nanoparticles on the Sintering Behavior and Physical Properties of Bi0.5(Na0.8K0.2)0.5TiO3 Lead-Free Ceramics	2	Có	Journal of Electronic Materials	Uy tín - ISI IF: 1.676	9	46 639 640
14	Chế tạo và nghiên cứu một số tính chất vật lý của hệ gốm áp điện không chì trên nền BiFeO3	2	Không	Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường ĐHSP, Đại học Huế			42 , 61-
15	Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật lý của hệ gốm không chì (1-x)Bi0.5(Na0.8K0.2)0.5TiO3-x(Bi0.88Nd0.12)FeO3	2	Không	Hội nghị vật lý chất rắn và Khoa học Vật liệu toàn quốc – SPMS 2017			2 , 8 88
16	Effect of Sintered Temperature on Physical Properties of BNKT-BSFO Ceramics	2	Không	Hội nghị vật lý chất rắn và Khoa học Vật liệu toàn quốc – SPMS 2017			2 , 8 82
17	Đặc trưng quang phổ của TiO2 nano pha tạp Sm3+ tổng hợp bằng phương pháp siêu âm – thủy nhiệt	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế			13 , 77-

18	Khảo sát một số tính chất vật lý của hệ gốm BNKT đồng pha tạp ZnO và SnO ₂	2	Không	Hội nghị vật lý chất rắn và Khoa học Vật liệu toàn quốc – SPMS 2019			1, 3 34
19	Cải tiến công nghệ và nghiên cứu một tính chất vật lý của hệ gốm BNKT đồng pha tạp ZnO và SnO ₂	3	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế			15, 39-
20	Effect of Sintering Temperature on the Dielectric, Ferroelectric and Energy Storage Properties of SnO ₂ -doped Bi _{0.5} (Na _{0.8} K _{0.2}) _{0.5} TiO ₃ Lead-free Ceramics	2	Có	Journal of Advanced Dielectrics	Uy tín - ISI IF: 0.87		, 1-
21	Fabrication and Electrical Characterization of Lead-free BiFe _{0.91} (Mn _{0.47} Ti _{0.53}) _{0.09} O ₃ -BaTiO ₃ Ceramics	1	Có	Hue University Journal of Science: Natural Science			129 1B, 2 21
22	Fabrication and Characterization of some Physical Properties of PZT-PMnN-PSbN ceramics doped with ZnO	2	Có	Hue University Journal of Science: Natural Science			129 1D, 13

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 7

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)